

HIỆP ĐỊNH PARIS VÀ KINH NGHIỆM VỀ ĐẤU TRANH BẢO VỆ ĐỘC LẬP, CHỦ QUYỀN VÀ TOÀN VỆN LÃNH THỔ

Trần Tăng Khởi

Học viện Chính trị khu vực III

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 08/04/2023

Ngày phản biện: 09/04/2023

Ngày duyệt đăng: 24/04/2023

Title: *The Paris peace accords and experience in protecting independence, sovereignty and territorial integrity*

Từ khóa: *Hiệp định Paris 1973; đường lối đối ngoại; độc lập tự chủ; kinh nghiệm*

Keywords: *the Paris Peace Accords, foreign policy, independence territory, experience*

ABSTRACT: *The paper analyzes the accurate and creative foreign policy of the Communist Party of Vietnam - an pivotal factor which generates the success in ending the war and restoring peace in Viet Nam (January 27th 1973). Then, this article extracts some experience on foreign policy that can be applied for the process of conformation and protection of the Socialist Republic of Vietnam in the present time...*

TÓM TẮT: *Bài viết phân tích đường lối đối ngoại đúng đắn, sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - nhân tố quan trọng làm nên thắng lợi của Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27/1/1973) và nêu lên một số kinh nghiệm chủ yếu về đường lối đối ngoại để vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.*

1. Mở đầu

Ngày 27/1/1973, Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết tại Paris (Cộng hòa Pháp). Để đạt được các thỏa thuận trong hiệp định này, phía Việt Nam (gồm Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, sau này là Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam) và phía Mỹ (gồm Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng hòa) đã phải trải qua 201 phiên họp công khai, 45 cuộc họp riêng cấp cao. Song song đó, trong 5 năm từ 1968 đến 1973, các bên đã có khoảng 500 cuộc họp báo, 1.000 cuộc phỏng vấn. Với Hiệp định Paris, quân xâm lược Mỹ đã phải cuốn cờ rút khỏi Việt Nam (diễn ra chính thức vào ngày 28/3/1973), tạo thế xoay chuyển có lợi cho cách mạng Việt Nam, từng bước dẫn đến ngày toàn thắng 30/4/1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp lịch sử logic để làm rõ đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam - nhân tố quan trọng làm nên thắng lợi của Hiệp định Paris (27/1/1973)

và bước đầu trình bày một số kinh nghiệm chủ yếu về đường lối đối ngoại để vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Không có hy sinh xương máu của quân và dân ta trên các chiến trường ở cả miền Nam và miền Bắc, thì sẽ không có Hội nghị Paris!

Sau khi Hiệp định Giơnevơ 7-1954 về đình chỉ chiến sự và lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết, đế quốc Mỹ vội vã nhảy vào miền Nam, thế chân thực dân Pháp với âm mưu biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của chúng. Với bản chất giấu mặt, trá hình của chủ nghĩa thực dân mới, Mỹ đã đạo diễn, ủng hộ chính quyền Ngô Đình Diệm tay sai ở miền Nam xé bỏ điều khoản của Hiệp định Giơnevơ 7-1954 về ý nguyện tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam- Bắc, khủng bố phong trào cách mạng miền Nam bằng chính sách “tố cộng, diệt cộng” hết sức tàn bạo. Tiếp đó, Mỹ tiếp tục thực hiện các chiến lược chiến tranh cùng với chính sách ngoại giao xảo quyệt nhằm hiện thực hóa âm mưu xâm lược của mình.

Sau thất bại trong chiến lược “chiến tranh đặc biệt” (1961-1965), đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ”, đem hàng trăm nghìn quân tinh nhuệ cùng quân các nước đồng minh trực tiếp tham chiến ở miền Nam. Từ năm 1965, lực lượng quân đội Mỹ trên chiến trường miền Nam ngày càng tăng và đạt tới gần nửa triệu quân vào năm 1967.

Cùng với việc tăng cường đưa lực lượng quân đội vào miền Nam và leo thang đánh phá miền Bắc, trong tuyên bố tại Baltimore, ngày 8 tháng 4 năm 1965, Tổng thống Johnson đưa ra yêu sách “đàm phán không điều kiện” nhằm che đậy hành động leo thang chiến tranh của Mỹ và đánh lạc hướng dư luận quốc tế. Rõ ràng là Mỹ vẫn hy vọng giành thắng lợi bằng quân sự! Điều đó cho thấy rằng: một khi Mỹ đang ra sức đưa quân đội và vũ khí vào miền Nam và vẫn tin tưởng sẽ giành thắng lợi bằng quân sự thì chưa thể có hòa bình. Trước tình hình đó, bản lĩnh chính trị của Đảng ta được thể hiện bằng việc động viên quân và dân cả nước nỗ lực chống lại các cuộc phản công chiến lược của Mỹ ở miền Nam và chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, đồng thời tiếp tục lãnh đạo các cuộc đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh ngoại giao nhằm phơi bày hành động chiến tranh xâm lược của Mỹ trước dư luận quốc tế và chưa đề cập đến vấn đề đàm phán. Lập trường kiên quyết của ta thể hiện trong Tuyên bố bốn điểm ngày 8 tháng 4 năm 1965 của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa:

Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam.

Mỹ rút hết quân ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Mỹ thừa nhận: Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam là một thực thể chính trị để thương lượng.

Hai miền Nam, Bắc Việt Nam không có liên minh quân sự với nước ngoài. Công việc nội bộ của Việt Nam do nhân dân Việt Nam tự giải quyết

Nội dung tuyên bố trên đây là những nguyên tắc cốt lõi của Việt Nam trong cuộc đàm phán tại Hội nghị Paris sau này.

Từ năm 1965, lực lượng vũ trang của ta từng bước bẻ gãy các cuộc phản công “tìm diệt”, “bình định” (1965-1967) của địch, đồng thời chủ động mở các cuộc tiến công vào quân Mỹ- nguy trên khắp chiến trường miền Nam. Vùng giải phóng ở miền Nam ngày càng được mở rộng và củng cố. Qua giai đoạn 1965-1966, từ những thắng lợi quân sự và chính trị, ta đã tạo được thế và lực mới trên chiến trường, tạo điều kiện đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao. Ngày 28 tháng 1 năm 1967, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố “có thể nói chuyện” với Hoa Kỳ sau khi Hoa Kỳ chấm dứt ném bom và mọi hành động chiến tranh chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Như vậy, ta đã có sự điều chỉnh cần thiết, tạm thời không giữ nguyên lập trường như trong Tuyên bố bốn điểm ngày 8 tháng 4 năm 1965, nhằm đánh vào luận điệu “đàm phán không điều kiện của Mỹ”, tác động vào nội tình nước Mỹ và tranh thủ dư luận quốc tế.

Tình thế bất lợi trên chiến trường và sự mềm dẻo về sách lược ngoại giao trên của ta làm cho nội bộ giới cầm quyền Mỹ có sự chia rẽ, phân hóa cao độ. Trong khi phái “chủ chiến” yêu cầu tăng quân Mỹ ở miền Nam và mở rộng đánh phá miền Bắc Việt Nam thì phái “ôn hòa” lại muốn kết thúc chiến tranh bằng một giải pháp hòa bình.

Trước đây vốn là người ủng hộ chủ trương đưa lực lượng quân sự vào miền Nam và đánh phá miền Bắc Việt Nam thì nay Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ McNamara tỏ ra thất vọng, bi quan về kết quả hoạt động quân sự cũng như những tổn thất về sinh lực, phương tiện chiến tranh của Mỹ. Đầu năm 1967, McNamara thay đổi thái độ, kiến nghị với Tổng thống Johnson về việc ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam phía trên vĩ tuyến 20. Tháng 8 năm 1967, tại Ủy ban Quân lực Thượng nghị viện, ông ta nói: “Tính chất khốc liệt và kéo dài của cuộc chiến tranh ở

Nam Việt Nam tạo ra mong muốn phải thay đổi nó bằng một kiểu oanh kích mới chống Bắc Việt Nam. Nhưng dù mong muốn thế nào, một sự thay đổi như vậy đối với tôi là hoàn toàn ảo tưởng. Theo đuổi mục tiêu này không chỉ là điều vô vọng mà còn mạo hiểm sinh mạng Mỹ và dân tộc chúng ta, đó là điều tôi không thể không kiến nghị” [1]. Tháng 11 năm 1967, ông ta lại kiến nghị với Tổng thống Johnson: “hãy ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam, Tổng thống không tiếp tục gửi quân sang miền Nam Việt Nam và xem xét những cuộc hành quân quân sự của Mỹ nhằm giảm bớt thương vong, giảm bớt sự tàn phá đất nước Việt Nam và chuyển vai trò ngày càng lớn lao cho lực lượng quân sự miền Nam Việt Nam” [2].

Trái ngược với quan điểm của phái “ôn hòa”, tướng Westmoreland lại cho rằng Mỹ có thể quét sạch đối phương ra khỏi miền Nam trong vòng hai năm tới. Ông ta yêu cầu Tổng thống Johnson tăng thêm quân cho miền Nam Việt Nam để giành thắng lợi về quân sự.

Chưa có hồi kết trong việc tranh cãi kéo dài trong nội bộ chính quyền Mỹ song tình hình thực tế đã buộc Tổng thống Johnson phải tính đến việc xuống thang chiến tranh: không tăng thêm nhiều quân theo yêu cầu của tướng Westmoreland, không đưa lực lượng ra đánh miền Bắc, mặt khác chấp thuận việc để McNamara nhờ một số người làm trung gian tiếp xúc với Hà Nội đề nghị ngừng ném bom để đàm phán. Như vậy, trái với nỗ lực leo thang chiến tranh để giành thắng lợi về quân sự trước đó, đến lúc này, lập trường của Johnson đã có bước lùi đáng kể!

Về phía ta, sau khi đánh thắng cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai của quân Mỹ- ngụy, từ tháng 5-1967, Bộ Chính trị đã tính đến một đòn tiến công quân sự lớn, tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân đội Mỹ, chur hầu và phần lớn quân ngụy, đánh bại kế hoạch bình định của địch, mở rộng ưu thế quân sự của ta trên chiến trường, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị. Ta cho

rằng nỗ lực quân sự của Mỹ đã đến đỉnh cao mà vẫn thất bại nên chúng sẽ tính đến việc rút quân nhưng là rút quân trên thế mạnh, vừa không mất thế diện lại vừa giữ được chế độ nguy quyền tay sai. “Vấn đề đặt ra là ta phải có nỗ lực rất lớn giáng cho địch một đòn mạnh kết hợp với sự khéo léo về sách lược và biết thắng với mức độ thích hợp khiến cho địch từ chỗ ngập ngừng muốn ra đến chỗ buộc phải rút ra và có lối ra có thể chấp nhận được” (3). Trong chỉ thị gửi Trung ương Cục miền Nam tháng 6 năm 1967, Bộ Chính trị đã nhận định mặc dù bị thất bại nặng nề về quân sự và chính trị, đế quốc Mỹ vẫn “đang ra sức tăng thêm những nỗ lực về quân sự lớn hơn nữa hòng giành một thắng lợi quân sự có tính chất quyết định ở miền Nam để làm hậu thuẫn cho một giải pháp chính trị” [4].

Trên cơ sở đánh giá tương quan lực lượng giữa ta và địch, Bộ Chính trị quyết định “đẩy mạnh những cố gắng chủ quan của ta đến mức cao nhất nhằm giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn” [5].

Từ giữa năm 1967, công tác chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy đã được ta triển khai. Trong khi đó, giới cầm quyền Mỹ đang phải đối mặt với những khó khăn về kinh tế và chia rẽ về chính trị do cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam gây ra. Nhiều nhà quan sát cảm thấy rằng nước Mỹ “đang trải qua một cái gì đó như bệnh suy nhược thần kinh trên toàn quốc”; “ngày càng chia rẽ và chống lại chính mình và do vậy dường như đang đứng trên bờ một cuộc khủng hoảng nội bộ cũng gay gắt không kém gì cuộc đại suy thoái những năm 30” [6] Chính quyền Johnson đang ở vào thời điểm khủng hoảng, lúng túng cao độ.

Đầu tháng 12 năm 1967, Bộ Chính trị họp và ra nghị quyết động viên những nỗ lực của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền Nam- Bắc nhằm đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên một bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định. Cụ thể hóa Nghị quyết trên

của Bộ Chính trị, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 14 họp vào cuối tháng 1 năm 1968 đề ra nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và ngoại giao.

Đêm 29 rạng ngày 30 và 31 tháng 1 năm 1968, cả miền Nam rung chuyển bởi cuộc tiến công quân sự mãnh liệt, bất ngờ của ta trong Tết Mậu Thân. Sững sốt, bàng hoàng là tâm trạng của cả nước Mỹ lúc bấy giờ! Chịu sức ép từ những thất bại nặng nề của chiến lược “chiến tranh cục bộ” và chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, nhất là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, cùng với phong trào phản đối chiến tranh lên cao của nhân dân Mỹ và các lực lượng dân chủ yêu chuộng công lý, hoà bình trên thế giới, ngày 31 tháng 3 năm 1968, Tổng thống Johnson buộc phải tuyên bố xuống thang chiến tranh và chấp nhận giải pháp thương lượng; ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra; không tham gia tranh cử Tổng thống nhiệm kỳ thứ hai; sẵn sàng đàm phán với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để đi đến kết thúc chiến tranh; mở rộng lực lượng quân sự của Việt Nam Cộng hòa để dễ có thể dần dần thay thế vai trò của lực lượng quân sự Mỹ.

Tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra của Johnson chưa đáp ứng đầy đủ những yêu cầu của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Mỹ phải chấm dứt hoàn toàn việc ném bom, bắn phá miền Bắc) nhưng nó thể hiện rõ sự thay đổi chiến lược trong thế bị động của Mỹ: xuống thang chiến tranh! Để thúc đẩy xu thế đó và phối hợp với hoạt động quân sự trên chiến trường, ngày 3 tháng 4 năm 1968, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố “sẵn sàng cử đại diện của mình tiếp xúc với đại diện của Mỹ nhằm xác định với phía Mỹ việc chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để có thể bắt đầu cuộc nói chuyện” (7). Phải thay đổi

chiến lược từ leo thang đến xuống thang chiến tranh là thất bại lớn nhất của Mỹ do tác động trực tiếp từ những thất bại nặng nề về quân sự chính trị, ngoại giao trong giai đoạn 1965-1967, nhất là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.

Sau khoảng hơn một tháng trao đổi ý kiến về địa điểm cuộc tiếp xúc Việt- Mỹ, ngày 13 tháng 8 năm 1968, cuộc đàm phán chính thức tại Paris bắt đầu giữa hai đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ. Đến tháng 11 năm 1968, Mỹ ngừng ném bom hoàn toàn miền Bắc. Rõ ràng là: nếu không có những thắng lợi vang dội về quân sự làm tiền đề để chúng ta đẩy mạnh đấu tranh chính trị và ngoại giao thì đế quốc Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn không bao giờ chịu lùi bước và chấp nhận đàm phán với ta tại Hội nghị Paris!

3.2. Thắng lợi trên mặt trận quân sự là điều kiện tiên quyết để chúng ta giành thắng lợi trong quá trình đàm phán tại Hội nghị Paris!

Hội nghị hai bên ở Paris sau nhiều phiên họp trong năm 1968 vẫn lâm vào tình trạng giằng co, thậm chí có lúc bế tắc nhưng đã mở đầu cho một thời kỳ Việt Nam tiến công trực diện Mỹ về ngoại giao trên bàn hội nghị. Trong quá trình đấu tranh đó, phái đoàn Việt Nam luôn khẳng định tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam; lên án tội ác chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở Việt Nam và hành động phá hoại hiệp định Giơnevơ 7-1954 của Mỹ; đòi Mỹ rút quân và chur hầu ra khỏi Việt Nam; chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện việc ném bom miền Bắc Việt Nam; từ bỏ ngụy quân Sài Gòn; đáp ứng lập trường của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Trước quan điểm đúng đắn, thái độ kiên quyết của phái đoàn Việt Nam cùng với những thất bại nặng nề trên chiến trường và tình hình nước Mỹ trước ngày bầu cử Tổng thống, ngày 1/11/1968, Giônxon tuyên bố

ngừng ném bom bắn phá và mọi hành động chiến tranh khác chống Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Sau sự kiện này, cuộc đấu tranh giữa Việt Nam và Mỹ bắt đầu xoay quanh vấn đề hình thức, thành phần hội nghị và đã đi đến thống nhất tổ chức Hội nghị Bốn bên bao gồm: Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (sau này là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam), Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hoà (chính quyền Sài Gòn).

Tháng 1 năm 1969, Hội nghị 4 bên về Việt Nam chính thức họp phiên đầu tiên tại Paris. Lập trường bốn bên, mà thực chất là của hai bên - Việt Nam và Mỹ, giai đoạn đầu rất xa nhau, mâu thuẫn nhau, khiến cho các cuộc đấu tranh diễn ra gay gắt trên bàn hội nghị, đến mức nhiều lúc phải gián đoạn thương lượng.

Trong các phiên họp chung công khai cũng như các cuộc tiếp xúc riêng, phía Việt Nam không bỏ qua bất cứ vấn đề quan trọng nào có liên quan đến cuộc chiến tranh ở Đông Dương, nhưng tập trung mũi nhọn đấu tranh vào hai vấn đề mấu chốt nhất là: đòi rút hết quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ ra khỏi miền Nam, đòi họ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam!

Về việc triệt thoái lực lượng quân đội nước ngoài tại miền Nam Việt Nam, phía Mỹ, trước sau vẫn nêu quan điểm “có đi có lại”, đòi hai bên (cả quân đội miền Bắc có tại miền Nam) “cùng rút quân”(!) Trong thời gian này, ta và Mỹ đều tìm mọi cách giành thắng lợi quyết định về quân sự để thay đổi cục diện trên chiến trường, lấy đó làm áp lực cho mọi giải pháp chấm dứt chiến tranh trên thế mạnh mà cả hai phía đang giành giật trên bàn đàm phán nhưng chưa đạt kết quả. Về phía Mỹ, sau hai năm ngừng ném bom miền Bắc, từ năm 1970, Mỹ cho máy bay ném bom trở lại một số tỉnh miền Bắc.

Ngày 8/10/1972, phái đoàn Việt Nam đưa cho Mỹ bản dự thảo “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở

Việt Nam” và đề nghị thảo luận để đi đến ký kết. Lúc đầu, bản dự thảo được các bên nhất trí nhưng đến ngày 22/10/1972, phía Mỹ lật lọng vi phạm dẫn chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đòi sửa đổi bản dự thảo. Hơn thế nữa, hòng buộc ta phải chấp nhận điều kiện của Mỹ và giúp ngụy quân, ngụy quyền ở miền Nam có được lợi thế về chính trị và quân sự, chính quyền Níchxơn đã tâm độc, xảo quyệt và tàn bạo thực hiện chiến dịch ném bom hủy diệt Hà Nội, Hải Phòng. Từ 18 tháng 12 năm 1972 đã tiến hành cuộc tập kích bất ngờ bằng không quân chiến lược B52 và các máy bay hiện đại nhất vào hai thành phố và một số tỉnh lân cận. Với dã tâm “đưa miền Bắc trở lại thời kỳ đồ đá”, Mỹ đã huy động phần lớn số máy bay B52 của không quân Mỹ với hàng trăm lượt trận cùng hàng chục nghìn tấn bom, đã gây những đau thương khủng khiếp như ở bệnh viện Bạch Mai, phố Khâm Thiên, Hà Nội.

Cuộc đụng đầu lịch sử trong 12 ngày đêm (từ 18-12 đến 30-12-1972) được ví là “Trận Điện Biên Phủ trên không” kết thúc bằng việc 84 máy bay, trong đó có 34 máy bay B52 và 5 F.111 của Mỹ bị bắn rơi trên bầu trời miền Bắc (8)! Thất bại thảm hại của Mỹ và tay sai trên chiến trường miền Nam cùng với thắng lợi vang dội của ta trong “Trận Điện Biên Phủ trên không” đã đẩy Mỹ và chính quyền tay sai Việt Nam Cộng Hoà vào thế thua không thể gượng nổi, buộc chúng phải chấp nhận nổi lại đàm phán tại Paris. Trên tư thế bên chiến thắng, phái đoàn ta tại cuộc đàm phán đã kiên quyết đấu tranh giữ vững nội dung của dự thảo Hiệp định đã thoả thuận.

Cuối cùng, ngày 22/1/1973 tại Trung tâm các Hội nghị quốc tế Clêbe, đúng 12 giờ 30 phút (giờ Paris) Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam đã được Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và Kitxinhgiơ ký tắt. Ngày 27/1/1973, Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam đã được ký chính thức giữa Bộ trưởng Ngoại giao các bên.

Hiệp định nêu rõ: Hoa Kỳ và các nước khác cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam.

Hoa Kỳ phải hoàn toàn chấm dứt chiến tranh xâm lược, chấm dứt sự dính líu về quân sự và can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam. Rút hết quân đội của Mỹ và của các nước khác, cố vấn và nhân viên quân sự, vũ khí và dụng cụ chiến tranh, hủy bỏ tất cả các căn cứ quân sự.

Tôn trọng quyền tự quyết và bảo đảm các quyền tự do dân chủ của nhân dân miền Nam Việt Nam. Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của mình thông qua tổng tuyển cử thật sự tự do và dân chủ.

Ngày 29/3/1973, Bộ Chỉ huy Mỹ ở Sài Gòn làm lễ cuốn cờ. Đơn vị cuối cùng của quân đội viễn chinh Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam dưới sự kiểm soát của sĩ quan Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong Ủy ban Liên hợp quân sự bốn bên.

Hiệp định Paris về Việt Nam là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân ta ở cả hai miền Nam- Bắc, đã tạo ra bước ngoặt mới trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc: Mỹ cút, tất yếu nguy nhào! (ý của Chủ tịch Hồ Chí Minh). Với bản Hiệp định này, đế quốc Mỹ và các nước đồng minh của Mỹ buộc phải rút quân khỏi miền Nam Việt Nam, tạo bước thuận lợi cho cách mạng nước ta tiếp tục tiến lên, giành thắng lợi trong mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Đó là kết quả của cuộc đấu tranh chính nghĩa, lâu dài, gian khổ thể hiện mạnh mẽ ý chí “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” của dân tộc Việt Nam trong cuộc chiến tranh ái quốc vĩ đại.

Hiệp định Paris được ký kết là thắng lợi của đường lối, phương châm chỉ đạo đấu tranh đúng đắn do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đề ra, kết hợp chặt chẽ, sáng tạo cả ba mặt trận đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao. Đường lối và phương

châm chỉ đạo đó là: lấy đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị ở miền Nam là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trên chiến trường và là cơ sở của đấu tranh ngoại giao; chúng ta chỉ có thể giành được trên bàn đàm phán mà chúng ta giành được trên chiến trường. Tuy nhiên, đấu tranh ngoại giao không đơn thuần chỉ là sự phản ánh của tình hình chiến trường, mà trong bối cảnh quốc tế và do tính chất của cuộc chiến tranh, đấu tranh ngoại giao còn đóng một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động.

Trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế hết sức phức tạp ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, song do biết kế thừa những kinh nghiệm trong các cuộc đàm phán trước đó tại Hội nghị Giơnevơ 1954 về Đông Dương, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã luôn giữ vững được sự độc lập, tự chủ về đường lối đối ngoại, tiến hành đàm phán trực tiếp với Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Điều đó đã giúp cách mạng Việt Nam tránh được những tác động tiêu cực đến kết quả của Hội nghị Paris và tiếp tục đưa sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

4. Kinh nghiệm về đấu tranh để bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ

Nhìn lại sự kiện ký kết Hiệp định Paris, bài viết nêu lên một số kinh nghiệm để bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ ở nước ta như sau:

Thứ nhất: đàm phán trực tiếp với đối phương; đối tác. Mặc dù một số nước lớn muốn tham gia Hội nghị Paris ngay từ khi mở ra, song quan điểm của Đảng và chính phủ ta là Mỹ phải đàm phán chỉ với nhân dân Việt Nam, cụ thể là với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và từ tháng 5 năm 1969 có thêm Chính phủ Cộng hòa Miền Nam Việt Nam Việt Nam - đại diện cho nhân dân miền Nam Việt Nam và Chính phủ Việt Nam Cộng hòa.

Thứ hai: kiên định nguyên tắc độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Trong quá trình đàm phán, chúng ta đã kiên trì, kiên quyết giữ vững nguyên tắc cơ bản: đòi Mỹ phải công nhận độc lập, thống nhất, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam; rút hết quân đội Mỹ và quân đồng minh của Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, để công việc của miền Nam do người Việt Nam định đoạt; Quân đội nhân dân Việt Nam có quyền ở lại miền Nam. Đây là điều then chốt, khác biệt căn bản mà ta đã đạt được so với Hội nghị Giơnevơ tháng 7 năm 1954. Lập trường này được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ trong bức thư ngày 25 tháng 8 năm 1969 trả lời tổng thống Mỹ Nixon: “Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược và rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam, tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam và dân tộc Việt Nam, không có sự can thiệp của nước ngoài. Đó là cách đúng đắn để giải quyết vấn đề Việt Nam phù hợp với quyền dân tộc của nhân dân Việt Nam, với lợi ích của nước Mỹ và nguyện vọng hòa bình của nhân dân thế giới. Đó là con đường để Mỹ rút khỏi cuộc chiến tranh trong danh dự” (9).

Thứ ba: giữ vững các nguyên tắc độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ trên tinh thần “dĩ bất biến, ứng vạn biến”. Lập trường của ta trong các cuộc đàm phán là luôn khẳng định tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam; lên án tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ trên hai miền Nam, Bắc Việt Nam; đòi Mỹ rút quân ra khỏi Việt Nam; yêu cầu chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện việc ném bom miền Bắc Việt Nam của Mỹ. Chúng ta đã linh hoạt ứng xử trong các tình huống cụ thể nhưng không bao giờ từ bỏ các nguyên tắc đó và chúng ta đã chiến thắng.

Hiện nay, trong vấn đề chủ quyền của Việt Nam ở biển Đông, chúng ta cũng đã giữ vững quan điểm Việt Nam có chủ quyền không thể tranh cãi ở biển Đông, trong đó có các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa-điều đó là “bất biến”! Đồng thời, trong từng điều kiện cụ thể, chúng ta có thể linh hoạt

thực hiện các biện pháp đấu tranh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo sao cho phù hợp với luật pháp quốc tế và điều kiện thực tế của đất nước, ấy chính là “vạn biến”.

Thứ tư: phải luôn kiên quyết, kiên trì, sử dụng đồng thời các thắng lợi khác để hỗ trợ cho công tác đối ngoại. Thắng lợi của Hiệp định Paris là một thắng lợi về mặt ngoại giao nhưng cũng là thắng lợi chung của cách mạng Việt Nam cả về chính trị, quân sự. Nếu không có những chiến thắng ở các chiến dịch, trận đánh cụ thể thì Mỹ không bao giờ chịu ngồi vào bàn đàm phán, hoặc không bao giờ từ bỏ các yêu sách phi lý của mình. Trong đó, thắng lợi ở trận “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972 đã đập tan hoàn toàn ý chí xâm lược của Mỹ và buộc Mỹ phải chấp nhận đàm phán cũng như chấp nhận các đề nghị của Việt Nam.

Vận dụng bài học này, để khẳng định quan điểm của Việt Nam trong các đàm phán quốc tế, cần thể hiện vị thế của nước ta ở nhiều lĩnh vực, nhất là chính trị, kinh tế, văn hóa và cả về quân sự. Như trong các đàm phán thương mại song phương, có đối tác đưa ra các yêu sách phi lý về nhân quyền, về các vấn đề nội bộ, về nền kinh tế thị trường...; bên cạnh việc kiên trì giải thích, thuyết phục, chúng ta luôn chứng minh bằng các lý lẽ cụ thể về các thành tựu bảo vệ quyền con người ở nước ta, về uy tín của đất nước trên trường quốc tế, về tính hội nhập và đặc điểm thị trường của nền kinh tế.

Thứ năm: tôn trọng các cam kết nhưng không bao giờ mất cảnh giác. Ngay trước và sau Hiệp định Paris, chính quyền Sài Gòn liên tiếp vi phạm Hiệp định bằng cách ráo riết thực hiện Chiến dịch Trần ngập lãnh thổ từ đêm 24/1/1973 và hàng loạt kế hoạch quân sự trong toàn bộ năm 1973, đầu năm 1974; đồng thời thực hiện các kế hoạch như Hùng Vương, Lý Thường Kiệt (1973 - 1974) nhằm nhanh chóng bình định miền Nam Việt Nam. Đối phó với âm mưu, thủ đoạn này, ta đã có nhiều giải pháp từ trong nội bộ và hành động cụ thể

về mặt chính trị, quân sự và từng bước làm phá sản các kế hoạch của địch trước khi đánh đổ hoàn toàn chế độ này.

Hiện nay, chúng ta ký kết nhiều thỏa thuận, hiệp định, hiệp ước song phương, đa phương với nhiều đối tác. Trong quá trình thực hiện, không tránh khỏi những cách hiểu khác nhau, sự vận dụng khác nhau vào từng thời điểm, thậm chí có cả những âm mưu, thủ đoạn phá hoại. Do đó, bài học cảnh giác vẫn phải luôn được thực hiện một cách thường xuyên và triệt để.

Thứ sáu: tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế nhưng phải dựa vào sức mình là chính. Hiệp định Paris là niềm cổ vũ lớn lao đối với nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới, những người đã đồng hành ủng hộ, giúp đỡ nhân dân ta trong suốt cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ, đổi theo từng diễn biến trên chiến trường cũng như trên bàn đàm phán tại Paris. Hiệp định Paris là sự minh chứng hùng hồn cho chân lý “đại nghĩa thắng hung tàn, chí nhân thay cường bạo”, củng cố niềm tin của nhân dân yêu chuộng hòa bình và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới vào sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa. Tuy nhiên, nếu bản thân cách mạng Việt Nam không tự lực, tự cường thì không thể có thắng lợi của Hiệp định và cũng không thể đáp ứng được lòng mong mỏi của nhân dân tiến bộ trên thế giới.

5. Kết luận

Hiệp định Paris được ký kết là thắng lợi của đường lối, phương châm chỉ đạo chiến tranh đúng đắn do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng ta đề ra, kết hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, sáng tạo cả ba mặt trận đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao. Đường lối và phương châm chỉ đạo đó là: lấy đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị ở miền Nam làm yếu tố quyết định để giành thắng lợi trên chiến trường và là cơ sở của đấu tranh ngoại giao, vì chúng ta chỉ có thể giành được thắng lợi trên bàn đàm phán những gì mà chúng ta giành được trên chiến trường.

Tuy nhiên, đấu tranh ngoại giao không đơn thuần chỉ là phản ánh của tình hình chiến trường mà trong bối cảnh quốc tế phức tạp và do tính chất của cuộc chiến tranh nên đấu tranh ngoại giao còn đóng một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động. Trong bối cảnh tình hình quốc tế và khu vực vẫn tiềm ẩn những nhân tố phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh quốc gia thì những kinh nghiệm của quá trình đàm phán đi đến ký kết Hiệp định Paris vẫn còn nguyên giá trị xuyên suốt quá trình bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nước ta trong hiện tại và tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. Mc Namara: Nhìn lại quá khứ- Tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, H.1995, tr.287.
2. Don Oberdorfer, Tết, Nxb Tổng hợp An Giang, 1998, tr.58-61.
3. Văn Tiến Dũng: Về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Nxb Chính trị quốc gia, H.1996, tr.195.
4. Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước, tập 2 (1965-1970), Nxb Sự thật, H.1986, tr.50.
5. Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước, Sdd, tr.50.
6. C. Herring: Cuộc chiến tranh dài ngày nhất của nước Mỹ, Nxb Chính trị quốc gia, H.1998, tr.223.
7. Báo Nhân dân, 4-4-1968.
8. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh: Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Hệ Cao cấp lý luận chính trị, Nxb Chính trị- Hành chính), H, 2009, tr.196.
9. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.12, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2002; tr. 489.